

Bản án số: 82/2024/HS-ST
Ngày 26-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ma Thanh Trọng

Bà Hà Thị Hồng Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Phan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 65/2024/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/HSST-QĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đinh Trọng V, sinh ngày 05-02-1979 tại thành phố H, tỉnh Hải Dương; căn cước công dân số 0123456789, cấp ngày 12-8-2021; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ABC, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Trọng M (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Phạm Thanh N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 11-12-2023 đến ngày 02-02-2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

2. Họ và tên: Phạm Thanh N, sinh ngày 09-11-1980 tại tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số 9876543210, cấp ngày 12-8-2021; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: ABC, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Vũ Thanh D; có chồng là Đinh Trọng V và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam từ ngày 11-12-2023 đến ngày 08-3-2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Trọng V:* Ông Bế Quang H, Luật sư Văn phòng Luật sư LS; địa chỉ: XYZ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh N:* Ông Chu Thế V, Luật sư Văn phòng Luật sư LS; địa chỉ: XYZ, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Tống Thị Thu H, sinh năm 1974; địa chỉ: DEF, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Lê Thị L, sinh năm 1964; địa chỉ: GHI, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10-12-2023 bà Tống Thị Thu H có đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Công an tỉnh Lạng Sơn, tố giác các bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N về hành vi cho vay lãi nặng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành ghi lời khai của các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N và những người vay tiền của các bị cáo, đồng thời thu thập các tài liệu có liên quan, xác định được:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4-2021 đến tháng 8-2023 bị cáo Đinh Trọng V cùng vợ là bị cáo Phạm Thanh N đã cho nhiều người vay tiền mặt với hai hình thức:

- Vay lãi ngày (trả lãi hàng ngày) với mức lãi từ 1.000 đồng đến 2.941 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng mức lãi suất từ 36,5% đến 107,35%/năm;

- Vay bất họ, một bất họ tương đương 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), thời hạn vay 50 ngày hoặc 100 ngày, cắt lãi ngay khi nhận tiền vay 2.000.000 đồng, số tiền người vay nhận được là 8.000.000 đồng, tiền lãi từ 2.000 đồng đến 4.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 73% đến 146%, mỗi ngày trả 200.000 đồng tiền gốc, nếu chưa thanh toán được mà muốn vay tiếp thì bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N có thể cho người vay đáo bất và vay bất mới. Bị cáo Đinh Trọng V và bị cáo Phạm Thanh N vẫn cắt trước tiền lãi, đồng thời trừ số tiền người vay chưa thanh toán của các khoản nợ cũ và đưa số tiền còn lại cho người vay.

Khi khách muốn vay tiền, sẽ liên hệ trực tiếp với bị cáo Đinh Trọng V hoặc bị cáo Phạm Thanh N. Bị cáo Đinh Trọng V là người đứng tên trong các giấy tờ liên quan và đưa ra mức lãi suất cho người vay tiền, bị cáo Phạm Thanh N hỗ trợ bị cáo Đinh Trọng V trong việc thỏa thuận cho vay, đơn đốc thu tiền lãi, nợ. Bị cáo Đinh Trọng V sử dụng các tài khoản số 8888888888 mở tại Ngân hàng Quân đội (MB Bank), tài khoản số 1111111111 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) mang tên Đinh Trọng V và

tài khoản số 5555555555 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) mang tên Phạm Thanh N để chuyển tiền với người vay.

Về lãi suất cho vay được tính như sau: Lãi suất tính lãi được quy đổi theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và sẽ được tính theo công thức lãi suất tính lãi = (số tiền lãi ngày x 365)/ số duy trì số dư thực tế hoặc lãi suất tính lãi = (số tiền lãi x 365)/(số dư thực tế x số ngày duy trì số dư thực tế). Số ngày duy trì thực tế là số ngày bị cáo thỏa thuận với người vay (50 ngày hoặc 100 ngày). Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa 20%/năm, tương ứng 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Số tiền lãi được hưởng theo quy định được tính theo công thức: Tiền lãi hợp pháp = (Số dư thực tế x Số ngày duy trì số dư thực tế x 20%)/365.

Những người vay tiền của bị cáo Đinh Trọng V và bị cáo Phạm Thanh N cụ thể như sau:

1. Khoản vay của bà Tống Thị Thu H

Từ ngày 20-8-2020 đến ngày 25-02-2021, bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N cho bà Tống Thị Thu H vay tiền dưới hình thức bắt họ, thỏa thuận mỗi bắt họ là 10.000.000 đồng, thời hạn vay 100 ngày, cắt lãi trước 2.000.000 đồng, số tiền bà Tống Thị Thu H thực nhận là 8.000.000 đồng, lãi suất 2.000.000 đồng/10.000.000 đồng/100 ngày, tương ứng mức lãi suất 73%/năm. Tổng cộng bà Tống Thị Thu H đã vay 113 bắt họ, tương đương số tiền 1.130.000.000 đồng, đã trả được cho các bắt vay là 790.000.000 đồng, còn nợ 340.000.000 đồng tiền gốc. *Khoản vay này không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.*

Ngày 21-4-2021, bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N chốt số nợ gốc của các bắt họ mà bà Tống Thị Thu H vay còn lại là 340.000.000 đồng và thay đổi hình thức cho vay theo lãi ngày, yêu cầu bà Tống Thị Thu H phải nộp tiền lãi theo họ kỳ, tức 05 ngày nộp lãi một lần số tiền 5.000.000 đồng, một tháng nộp 06 kỳ, tổng số tiền lãi phải nộp cho một tháng là 30.000.000 đồng/340.000.000 đồng (tức 2.941 đồng/1.000.000/ngày), tương ứng mức lãi suất **107,35%/năm**. Từ ngày 22-4-2021 đến ngày 19-7-2021 bà Tống Thị Thu H đã chuyển trả tiền lãi cho bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N số tiền 90.000.000 đồng/340.000.000 đồng/03 tháng; đã trả được 84.000.000 đồng tiền gốc, số nợ còn lại là 256.000.000 đồng.

Đối với khoản vay này, số tiền lãi hợp pháp mà bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N được hưởng là 340.000.000 đồng x 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 90 ngày = 16.767.270 đồng; *số tiền lãi bất hợp pháp là 90.000.000 đồng - 16.767.270 đồng = 73.232.730 đồng.*

2. Khoản vay của bà Lê Thị L

Từ năm 2021 đến năm 2023, bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N nhiều lần cho bà Lê Thị L vay tiền với hình thức bắt họ, thời hạn vay 100 ngày, lãi suất 2.000.000 đồng/10.000.000 đồng/100 này, tương ứng mức lãi suất 73%/năm. Bà Lê Thị L chưa thanh toán hết các khoản vay này cho bị cáo Đinh

Trọng V và Phạm Thanh N. *Khoản vay này không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.*

Ngoài các khoản cho vay với lãi suất 73%/năm như trên, trong năm 2023, bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N còn cho bà Lê Thị L vay 03 bất, với thời hạn vay 50 ngày, lãi suất 2.000.000 đồng/10.000.000 đồng/50 ngày, tương ứng mức lãi suất **146%/năm**, cụ thể:

Ngày 24-5-2023 bị cáo Đinh Trọng V cho bà Lê Thị L vay 10 bất họ, tương ứng số tiền 100.000.000 đồng, cắt lãi trước 20.000.0000 đồng, trừ đi số tiền trước đó bà Lê Thị L còn nợ bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N là 23.900.000 đồng, bà Lê Thị L thực nhận 56.100.000 đồng, bà Lê Thị L đã thanh toán đủ tiền gốc. Tiền lãi hợp pháp mà bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N được hưởng là 547,95 đồng/1.000.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 100.000.000 đồng x 50 ngày = 2.739.750 đồng, *số tiền lãi bất hợp pháp là 20.000.000 đồng - 2.739.750 đồng = 17.260.250 đồng.*

Ngày 16-7-2023, bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N cho bà Lê Thị L vay 10 bất họ, tương ứng số tiền 100.000.000 đồng, cắt lãi trước 20.000.0000 đồng, trừ đi số tiền trước đó bà Lê Thị L còn nợ bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N là 36.400.000 đồng. Bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N đã đưa cho bà Lê Thị L số tiền 43.600.000 đồng, bà Lê Thị L đã thanh toán đủ tiền gốc. Tiền lãi hợp pháp mà bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N được hưởng là 547,95 đồng/1.000.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 100.000.000 đồng x 50 ngày = 2.739.750 đồng, *số tiền lãi bất hợp pháp là 20.000.000 đồng - 2.739.750 đồng = 17.260.250 đồng.*

Ngày 27-8-2023, bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N cho bà Lê Thị L vay 10 bất họ, tương ứng số tiền 100.000.000 đồng, cắt lãi trước 20.000.0000 đồng, trừ đi số tiền trước đó bà Lê Thị L còn nợ bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N là 29.500.000 đồng. Bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N đã đưa cho bà Lê Thị L số tiền 50.500.000 đồng, bà Lê Thị L đã thanh toán được 17.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 83.000.000 đồng nợ gốc. Tiền lãi hợp pháp mà bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N được hưởng là 547,95 đồng/1.000.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 100.000.000 đồng x 50 ngày = 2.739.750 đồng, *số tiền lãi bất hợp pháp là 20.000.000 đồng - 2.739.750 đồng = 17.260.250 đồng.*

Tổng cộng số tiền bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N thu lợi bất chính khi cho bà Lê Thị L vay là: 17.260.250 đồng + 17.260.250 đồng + 17.260.250 đồng = **51.780.750 đồng.**

Tổng số tiền bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N thu lợi bất chính khi cho bà Tổng Thị Thu H và bà Lê Thị L vay là 73.232.730 đồng + 51.780.750 đồng = 125.013.480 đồng.

Những người có quyền lợi nghĩa, vụ liên quan đến vụ án gồm các bà Tổng Thị Thu H, Lê Thị L đều khai được vay tiền của bị cáo Đinh Trọng V và bị cáo Phạm Thanh N với số lần vay, thời gian vay, số tiền vay, lãi suất và việc trả nợ gốc và trả lãi như nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 57/CT-VKSLS-P1 ngày 08-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N giữ nguyên những lời khai tại cơ quan điều tra và thừa nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 04-2021 đến tháng 8-2023, trên địa bàn thành phố Lạng Sơn, các bị cáo đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất khác nhau, trong đó bị cáo đã cho 02 (hai) khách hàng, gồm các bà Tống Thị Thu H, Lê Thị L vay nhiều lần, với mức lãi suất 107,35% và 146%/năm; tổng số tiền lãi bất chính thu được là **125.013.480 đồng**.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn xin xét xử vắng mặt họ đều đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như trong bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đinh Trọng V phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, 50, 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Trọng V từ 07 tháng đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng; xử phạt bị cáo Phạm Thanh N từ 06 đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 14 tháng.

Áp dụng hình phạt bổ sung, số tiền 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng mỗi bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

- Truy thu số tiền gốc các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N cho vay lãi nặng là 640.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước, trong đó: Truy thu từ các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N số tiền gốc cho vay đã thu được là 301.000.000 đồng; truy thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án số tiền gốc còn nợ chưa trả lại các bị cáo, cụ thể truy thu từ bà Tống Thị Thu H 256.000.000 đồng; truy thu từ bà Lê Thị L 83.000.000 đồng.

- Đối với khoản tiền lãi các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N đã thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, số tiền 24.986.520 đồng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần truy thu sung ngân sách Nhà nước

- Đối với số tiền lãi các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N đã thu vượt mức lãi suất 20%/năm là 125.013.480 đồng, cần buộc các bị cáo trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể, trả lại bà Tống Thị Thu H 73.232.730 đồng, trả lại bà Lê Thị L 51.780.750 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Z Fold 3 5G, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 3510142935411518, lắp kèm sim số 0988888888 và 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, số IMEI: 352784986531138, lắp kèm sim số 0913333333.

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Trọng V tranh luận: Theo tinh thần của Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định, áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người thực hiện hành vi phạm tội; trường hợp phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm thì xem xét áp dụng hình phạt tù là hình phạt chính. Bị cáo Đinh Trọng V bị truy tố theo khung hình phạt ít nghiêm trọng; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo và đã nộp 40.000.000 đồng khắc phục hậu quả (bị cáo và bị cáo Phạm Thanh N đã cùng nhau nộp 80.000.000 đồng khắc phục hậu quả trên tổng số tiền thiệt hại bị truy tố là 125.013.480 đồng). Ngoài ra, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (bị cáo tích cực tham gia công tác thiện nguyện, ủng hộ cho các quỹ từ thiện). Do đó, bị cáo đủ điều kiện được áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự. Người bào chữa cho bị cáo Đinh Trọng V đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án cải tạo không giam giữ hoặc phạt tiền là hình phạt chính. Đối với các nội dung khác trong lời luận tội, người bào chữa cho bị cáo Đinh Trọng V không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh N tranh luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo Phạm Thanh N có vai trò thấp hơn bị cáo Đinh Trọng V. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo có thêm 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đó là bị cáo tích cực ủng hộ các phong trào, hoạt động từ thiện; bị cáo có mẹ là bà Vũ Thị D được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba; gia đình bị cáo thờ cúng liệt sĩ Phạm Văn T là bác ruột của bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt. Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo từ 06 đến 07 tháng tù cho hưởng án treo là đúng pháp luật nhưng nặng, vì chưa xem xét đến nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Nguyên tắc xử lý đối với tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chủ yếu là phạt tiền, hình phạt tù chỉ áp dụng đối với các trường hợp phạm tội có tổ chức, mang tính chất chuyên nghiệp. Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh N đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử bị cáo dưới khung, cho bị cáo hưởng mức án 06 tháng cải tạo không giam giữ cũng đủ thời gian cho bị cáo cải tạo và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung. Đối với các nội dung khác trong lời luận tội, người bào chữa cho bị cáo Phạm Thanh N không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mà người bào chữa cho các bị cáo đề nghị áp dụng, thấy rằng, khách thể của tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong hoạt động tín dụng. Khoản tiền mà các bị cáo phải thi hành gồm tiền phạt bổ sung, tiền nộp vào ngân sách Nhà nước, tiền trả lại cho những người vay, tiền thu lời bất chính; số tiền các bị cáo tạm nộp tại cơ quan thi hành án là 80.000.000 đồng chưa tương xứng với nghĩa vụ các bị cáo phải thực hiện. Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp và đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm. Về việc áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 và áp dụng Điều 54, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo biết trình bày, các bị cáo biết hành vi các bị cáo đã thực hiện là sai, các bị cáo rất ăn năn, hối cải, có ý thức khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu, do thiếu hiểu biết, đã thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm các bà Tổng Thị Thu H, Lê Thị L đều vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua đến vụ án đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Sự vắng mặt của những người trên không ảnh hưởng đến việc xét xử, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng; giải thích, hướng dẫn bị cáo, đương sự về quyền tiếp cận trợ giúp pháp lý, quyền nhờ người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định. Các quyết định, hành vi tố tụng đã được thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, các vật chứng đã thu giữ được và toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 04-2021 đến tháng 8-2023 trên địa bàn thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Đinh Trọng V và bị cáo Phạm Thanh N đã cho 02 (hai) khách gồm các bà Tổng Thị Thu H, Lê Thị L vay tiền nhiều lần với mức lãi suất là 107,35% và 146%/năm, gấp 5,367 lần và 7,3 lần lãi suất tối đa được phép quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền các bị cáo thu lợi bất chính

từ việc cho vay lãi nặng là **125.013.480 đồng** (một trăm hai mươi lăm triệu không trăm mười ba nghìn bốn trăm tám mươi đồng). Do đó, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh khó khăn, điêu đứng. Các bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi nhuận trước mắt, muốn nhanh chóng có tiền tiêu sài bị cáo đã phạm tội.

[5] Đây là vụ án đồng phạm, trong đó bị cáo Đinh Trọng V là người đứng tên trong các giấy tờ liên quan và đưa ra mức lãi suất cho người vay tiền, bị cáo Phạm Thanh N hỗ trợ bị cáo Đinh Trọng V trong việc thỏa thuận cho vay, đơn đốc thu tiền lãi, nợ. Như vậy, bị cáo Đinh Trọng V giữ vai trò cao hơn bị cáo Phạm Thanh N.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; các bị cáo có nơi cư trú ổn định.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N đã có các hoạt động ủng hộ cho bệnh nhân ung thư Bệnh viện K Hà Nội, ủng hộ cho Hội Chữ thập đỏ thành phố Lạng Sơn; trước khi diễn ra phiên tòa, các bị cáo đã nộp 80.000.000 đồng tiền tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để khắc phục hậu quả. Ngoài ra, bị cáo Phạm Thanh N có mẹ đẻ là bà Vũ Thị D được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo do các bị cáo đã nộp 80.000.000 đồng tiền khắc phục hậu quả thấy rằng, số tiền 125.013.480 đồng là khoản tiền các bị cáo thu lợi bất chính, là căn cứ để truy tố các bị cáo theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Đó không phải là thiệt hại của vụ án. Vì hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Số tiền thu lợi bất chính nêu trên chỉ là một phần hậu quả của hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do đó không có căn cứ chấp nhận ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo về việc đề nghị cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy

nhien, Hội đồng xét xử vẫn ghi nhận việc các bị cáo tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả và cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với tình tiết gia đình bị cáo Phạm Thanh N thờ cúng liệt sĩ Phạm Văn T là bác ruột của bị cáo không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định.

[9] Các bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51, bị cáo Đinh Trọng V có thêm 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo Phạm Thanh N có thêm 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có nơi cư trú rõ ràng, có ý thức chấp hành đầy đủ mọi quy định của địa phương nơi cư trú và chính sách pháp luật của Nhà nước, trong thời gian tại ngoại không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật, có khả năng tự cải tạo, việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và việc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Như vậy, các bị cáo có đủ các điều kiện cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để cho các bị cáo cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và sự giúp đỡ của gia đình cũng phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và bảo đảm tính răn đe, giáo dục. Đối với ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cho các bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ, thấy rằng, căn cứ tính chất, hành vi các bị cáo đã thực hiện, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về lĩnh vực tài chính, ngân hàng, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh khó khăn. Các bị cáo đều là người trưởng thành, nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo về việc cho các bị cáo hưởng mức án cải tạo không giam giữ. Các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng sẽ được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi lượng hình để đưa ra mức án phù hợp, vừa tương xứng với hành vi phạm tội, vừa đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung.

[10] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền để sung ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo, số tiền phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng mỗi bị cáo.

[11] Về biện pháp tư pháp:

[11.1] Số tiền gốc các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N cho vay lãi nặng là phương tiện phạm tội, cần truy thu sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Đối với số tiền các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N cho bà Tống Thị Thu H vay là 340.000.000 đồng, bà Tống Thị Thu H đã thanh toán được cho các bị cáo 84.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ 256.000.000 đồng nên cần truy thu từ các bị cáo số tiền 84.000.000 đồng, truy thu từ bà Tống Thị Thu H 256.000.000 đồng. Đối với số tiền gốc các bị cáo cho bà Lê Thị L vay là 300.000.000 đồng, bà Lê

Thị L đã trả được 217.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ 83.000.000 đồng nên cần truy thu từ các bị cáo số tiền 217.000.000 đồng, truy thu từ bà Lê Thị L số tiền 83.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc truy thu từ các bị cáo là 84.000.000 đồng + 217.000.000 đồng = 301.000.000 đồng; truy thu số tiền gốc từ bà Tống Thị Thu H là 256.000.000 đồng, từ bà Lê Thị L là 83.000.000 đồng.

[11.2] Đối với số tiền lãi các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N đã thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự là 24.986.520 đồng (trong đó thu được từ khoản cho bà Tống Thị Thu H vay là 16.767.270 đồng, thu được từ các lần cho bà Lê Thị L vay là 8.219.250 đồng) là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần truy thu sung ngân sách Nhà nước.

[11.3] Đối với số tiền lãi bị cáo Đinh Trọng V đã thu vượt mức lãi suất 20%/năm là 125.013.480 đồng (trong đó thu từ khoản vay của bà Tống Thị Thu H là 73.232.730 đồng, thu từ các khoản vay của bà Lê Thị L là 51.780.750 đồng), cần phải trả lại cho những người vay.

[12] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 điện thoại di động gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Z Fold 3 5G, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 3510142935411518, lắp kèm sim số 0988888888 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, số IMEI: 352784986531138, lắp kèm sim số 0913333333 các bị cáo dùng để liên lạc thỏa thuận việc vay và nhắc những người vay trả nợ. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[13] Đối với các khoản vay của bà Tống Thị Thu H và bà Lê Thị L mà mức lãi chưa cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự như đã nêu ở trên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án này.

[14] Qua sao kê tài khoản mở tại ngân hàng Quân đội của bị cáo Đinh Trọng V phát hiện 15 tài khoản ngân hàng liên quan đến việc cho vay tiền của bị cáo Đinh Trọng V. Ngày 26-02-2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã có công văn số 390/CSHS-DD1 gửi Ngân hàng Quân đội chi nhánh Lạng Sơn đề nghị cung cấp thông tin khách hàng của 15 tài khoản này nhưng chưa có kết quả. Kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nội dung này theo quy định.

[15] Đối với chị Phạm Trà M, sinh năm 2002, cư trú tại KLM, tỉnh Lạng Sơn, là cháu của Phạm Thanh N và anh Đinh Trọng Đ, sinh năm 2002, là con trai ruột của bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N. Hai người này nhiều lần thực hiện các giao dịch nhận, chuyển tiền cho người vay theo yêu cầu của bị cáo Đinh Trọng V. Quá trình điều tra, xác định chị Phạm Trà M và anh Đinh Trọng Đ không biết việc chuyển tiền trên liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Lạng Sơn về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo và các nội dung khác là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Về án phí: Các bị cáo bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[18] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 2, 3 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 50, 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Điều 2, 4, 5, 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo;

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Đinh Trọng V 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26-6-2024.

2.2. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh N 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26-6-2024.

Giao các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N cho UBND phường D, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường D, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.3. Về hình phạt bổ sung:

Phạt tiền bị cáo Đinh Trọng V 40.000.000 đồng, phạt tiền bị cáo Phạm Thanh N 30.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Truy thu, sung ngân sách Nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay lãi nặng, cụ thể:

Truy thu từ các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N số tiền gốc đã thu về được là 301.000.000 đồng;

Truy thu từ bà Tống Thị Thu H tiền gốc còn nợ chưa trả các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N, số tiền 256.000.000 đồng

Truy thu từ bà Lê Thị L tiền gốc còn nợ chưa trả các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N, số tiền 83.000.000 đồng

3.2. Truy thu từ các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N 24.986.520 đồng tiền lãi đã thu tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự để sung ngân sách Nhà nước.

3.3. Buộc các bị cáo Đinh Trọng V, Phạm Thanh N trả lại bà Tống Thị Thu H 73.232.730 đồng, trả lại bà Lê Thị L 51.780.750 đồng tiền lãi các bị cáo đã thu vượt mức lãi suất 20%/năm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy Z Fold 3 5G, màu đen, đã qua sử dụng, số IMEI: 3510142935411518, lắp kèm sim số 0988888888 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu tím, số IMEI: 352784986531138, lắp kèm sim số 0913333333

(Vật chứng trên đang được lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, có đặc điểm như được mô tả trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02-5-2024 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Đinh Trọng V và Phạm Thanh N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TPLS, T. Lạng Sơn;
- Bị cáo, NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Nhân